

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-
ST

Ngày: 30-9-2024
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Như Huy
- Ông Từ Vương Việt

- Thư ký phiên tòa: Chị Nguyễn Lê Nhật Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỹ H, sinh năm: 1990, địa chỉ: Khu V, phường N, Thị xã A, tỉnh Bình Định – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L – 1985, địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2024 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2018 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bình Định. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh L cờ bạc, không chí thú làm ăn, gây nợ nần, khiến cuộc sống chung bị áp lực. Chị khuyên không được, vợ chồng thường xảy ra kinh cãi, mỗi lần mâu thuẫn là anh L lại đánh chị, bạo lực thể chất và tinh thần đối với chị. Từ khoảng đầu tháng 5/2024 cho đến nay, vợ chồng không còn

chung sống. Chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, không thể tiếp tục đời sống chung, nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chồng là anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị khai chị và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung, là cháu: Hồ Nguyễn Công L1 (sinh ngày: 24/3/2016). Cháu L1 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu L1 cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu L1.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Mỹ H, chị Hồ Thị Mỹ H được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Hồ Nguyễn Công L1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Hồ Thị Mỹ H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị H khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh L; Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt (Nguyên đơn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn Lai vắng mặt không có lý do); Áp dụng: khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H và anh L tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2018 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bình Định, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đầu, đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng kinh cãi, anh L

bạo lực gia đình, khiến chị **H** không còn niềm tin để tiếp tục chung sống, nay chị **H** kiên quyết ly hôn.

Tòa án đã liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, anh **L** biết nhưng bỏ mặc, không thiện chí, không hợp tác. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của chị **H** và anh **L** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H**.

[2.2]. Về con chung: Xét lời khai và yêu cầu của chị **H**, cho thấy: cháu **Hồ Nguyễn Công L1** sinh vào ngày 24/3/2016, cháu có mẹ là chị **Hồ Thị Mỹ H**, nhưng trong Giấy khai sinh của cháu **L1** không có tên người cha. Chị **H** khai, cam kết: “Mặc dù cháu **Lý S** ra trước thời điểm chị **H** và anh **L** đăng ký kết hôn (ngày 04/9/2018), nhưng cháu **L1** là con chung của chị **H** và anh **L**”.

Xét bị đơn anh **L** không thiện chí hợp tác, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không phản đối, không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn chị **H** cung cấp.

Xét, bản thân cháu **L1** cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích của cháu **L1**, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu **L1** cho chị **H** được tiếp tục trực tiếp nuôi, chị **H** không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Các Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Hồ Thị Mỹ H** đối với bị đơn anh **Nguyễn Văn L**, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hồ Thị Mỹ H** được ly hôn anh **Nguyễn Văn L**;

- Về con chung: Giao cháu **Hồ Nguyễn Công L1** (sinh ngày: 24/3/2016) cho chị **Hồ Thị Mỹ H** được tiếp tục trực tiếp nuôi. Chị **H** không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không có yêu cầu nên không xét.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Hồ Thị Mỹ H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **H** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005039 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đặng Như Huy

Từ Vương Việt

Đinh Thị Mai Đào

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định; ĐKKH: 04/9/2018)
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đinh Thị Mai Đào